

Số: 13/QĐ-UBND

Vạn Linh, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẠN LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5388 /QĐ-UBND ngày 15 /12/2023 của UBND huyện Chi Lăng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã khoá XX kỳ họp thứ năm số 31/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu-chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Linh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã Vạn Linh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Vạn Linh. (Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Tài chính - Kế toán xã và trưởng các ban ngành đoàn thể xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Kho bạc nhà nước huyện;
- Phòng KH-TC huyện;
- TT Đảng ủy & HĐND;
- Các ban ngành đoàn thể;
- Lưu: VP xã, KT xã

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lương Văn Hiến

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.587.500.000	TỔNG SỐ CHI	5.587.500.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	23.900.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	118.600.000	II. Chi thường xuyên	5.412.793.000
III. Thu bổ sung	5.445.000.000	III. Dự phòng	110.057.000
- Bổ sung cân đối	5.445.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu		IV. Tiết kiệm chi 10% CCTL	64.650.000
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	5.644.500.000	5.587.500.000
I	Các khoản thu 100%	23.900.000	23.900.000
	Phí, lệ phí	14.400.000	14.400.000
	Tăng thu 10% so với dự toán Huyện giao	9.500.000	9.500.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	175.600.000	118.600.000
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.600.000	5.600.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
	- Thuế GTGT	113.000.000	113.000.000
	- Thuế TNCN	57.000.000	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
	...		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.445.000.000	5.445.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	5.445.000.000	5.445.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		NS HUYỆN GIAO	TĂNG THU SO VỚI DT HUYỆN GIAO	NSX
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.578.000.000	9.500.000	5.587.500.000
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	31.000.000		31.000.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			
4	Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh			
6	Chi thể dục thể thao	12.000.000		12.000.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế (Sự nghiệp GT)	79.000.000		79.000.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.502.000.000	2.793.000	4.504.793.000
10	Chi cho đảm bảo xã hội	79.000.000		79.000.000
11	Chi an ninh - Quốc phòng	687.000.000		687.000.000
12	Dự phòng ngân sách	110.000.000	57.000	110.057.000
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL theo quy định	58.000.000	6.650.000	64.650.000